

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/DS-ST

Ngày: 04-8-2020

“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Văn Nam

2/ Ông Nguyễn Minh Chiến

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 271/2019/TLST – DS, ngày 19/7/2019, về: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2020/QĐXX – ST, ngày 10/6/2020, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Võ Văn D, sinh năm 1987; Địa chỉ cư trú: ấp Nh, xã C, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1976; Địa chỉ cư trú: khu phố A, thị trấn M, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn:* Ông Đào Công B, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1959; Cùng địa chỉ cư trú: ấp Nh, xã C, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Trường T, sinh năm 1985; Địa chỉ cư trú: số ấp B, thị trấn T, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ông Ph, ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/7/2019 của nguyên đơn ông Võ Văn D và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn Ph trong quá trình tố tụng:*

Ông Võ Văn D buộc ông Đào Công B và bà Nguyễn Thị Th có nghĩa vụ liên đới trả cho ông tiền mua thức ăn chăn nuôi còn thiếu là:

- Tiền gốc: 167.768.000 đồng.

- Tiền lãi: Tính từ ngày 01/6/2019 đến ngày xét xử vụ án với mức lãi suất 0.83%/tháng. Tạm tính từ ngày 01/6/2019 đến ngày 01/7/2019 là: 1.392.474 đồng.

Tổng cộng: 169.160.474 đồng (làm tròn 169.160.000 đồng).

Lý do yêu cầu: Từ tháng 05/2015 đến tháng 5/2019, ông D có bán thức ăn chăn nuôi cho ông B và bà Th. Hai bên thỏa thuận bằng lời nói, thời hạn thanh toán khi heo xuất chuồng (khoản 04 tháng thanh toán một lần). Khi giao thức ăn chăn nuôi, mỗi bên có 01 sổ theo dõi. Trong quá trình mua bán ông B và bà Th nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên từ tháng 6/2019 hai bên chấm dứt mua bán. Tính đến ngày 14/5/2019, vợ chồng ông B và bà Th còn nợ ông D số tiền 167.768.000 đồng và cam kết trả hết nhưng không trả nên khởi kiện. Đối với chữ “Trả đủ rồi” tại dòng thứ 8 từ trên xuống, trang 22 (khoanh tròn bằng mực đỏ), trong cuốn sổ tập học sinh, bìa ngoài có chữ: “Công ty liên doanh dinh dưỡng thủy sản quốc tế” (màu cam) không phải chữ viết của ông D, nên số tiền 104.064.000 đồng phía bị đơn cho rằng đã trả đủ cho ông D là không đúng.

Tại bản khai bổ sung ngày 04/8/2020, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đồng thời yêu cầu tính lãi mức 0.83%/tháng từ ngày 01/6/2019 đến ngày 04/8/2020 là 14 tháng 03 ngày của số tiền gốc 167.768.000 đồng = 19.633.886 đồng. Tổng cộng vốn và lãi yêu cầu là 187.401.886 đồng.

** Trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đào Công B, bà Nguyễn Thị Th là ông Lê Trường T trình bày:*

Đối với yêu cầu của ông D, ông B và bà Th không đồng ý. Ông B và bà Th thừa nhận có hợp đồng mua thức ăn chăn nuôi của ông D từ tháng 5/2015 đến tháng 5/2019, hai bên thỏa thuận bằng lời nói và có sổ theo dõi, không có thỏa thuận lãi. Việc mua bán thức ăn chăn nuôi chấm dứt vào ngày 05/5/2019 và ngày 14/5/2019 tổng kết nợ số tiền là 856.530.000 đồng. Tuy nhiên, ông B và bà Th đã trả được số tiền 104.064.000 đồng cho ông D 01 lần, ông D có ghi chữ “Trả đủ rồi” trong sổ theo dõi của ông B. Sau đó, ông B và bà Th trả tiếp tục 13 lần với số tiền là 650.000.000 đồng. Nay chỉ còn nợ lại số tiền 63.704.000 đồng, đồng ý trả số tiền này và không đồng ý trả lãi do không có thỏa thuận.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký nghiêm túc thực hiện đúng quy định; người đại diện của nguyên đơn vắng mặt có đơn xin vắng; người đại diện của bị đơn đã được triệu tập nhiều lần vắng mặt không lý do nên xét xử vắng mặt là đúng.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc các bị đơn liên đới trả tiền nợ gốc còn thiếu là 167.768.000 đồng và tính lãi suất mức 0.83%/tháng từ ngày 01/6/2019 đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; Nghe vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và nội dung giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và nội dung yêu cầu của ông Võ Văn D, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”; trong đó xác định ông Võ Văn D là nguyên đơn (người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng là ông Nguyễn Văn Ph); ông Đào Công B và bà Nguyễn Thị Th là bị đơn (người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Trường Thịnh); vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét việc vắng mặt của người đại diện nguyên đơn có đơn xin vắng, người đại diện của bị đơn vắng mặt không lý do mặc dù đã được triệu tập nhiều lần nên Hội đồng xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

2.1. Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền gốc 167.768.000 đồng cho rằng tiền mua thức ăn chăn nuôi còn thiếu, Hội đồng xét xử xét thấy:

Cả hai bên đương sự đều thống nhất các nội dung: Giữa ông D và vợ chồng ông Bé, bà Th có thỏa thuận mua bán thức ăn chăn nuôi, thời điểm bắt đầu vào tháng 5/2015 và kết thúc vào tháng 5/2019; thống nhất thỏa thuận bằng lời nói, 02 bên đều có ghi sổ theo dõi, khoảng 04 tháng trả tiền một lần; thống nhất đến ngày 04/02/2017 kết sổ số tiền mà ông Bé, bà Th còn thiếu là 104.064.000 đồng; thống nhất sau ngày 04/02/2017, các bên tiếp tục mua bán thức ăn chăn nuôi, tổng kết đến ngày 14/5/2019, phía ông B và bà Th có 13 lần trả tiền cho ông D với tổng số tiền là 650.000.000 đồng và được trừ thêm các khoản tiền: 62.960.000 đồng và 28.360.000 đồng (trả lại các bao thức ăn chăn nuôi); 50.000.000 đồng (trả tiền); 1.506.000 đồng (trả lại các bao thức ăn chăn nuôi) trên tổng số tiền thiếu là 856.530.000 đồng.

Tuy nhiên, về số tiền 104.064.000 đồng kết sổ ngày 04/02/2017, phía ông B và bà Th cho rằng đã trả cho ông D, chứng minh bằng hàng chữ “Trả đủ rồi” cho rằng do ông D viết phía dưới số tiền 104.064.000 đồng trong cuốn sổ tập học sinh, bìa ngoài có chữ: “Công ty liên doanh dinh dưỡng thủy sản quốc tế” do bị đơn cung cấp nên hiện số tiền còn thiếu lại là 63.704.000 đồng. Nhưng phía ông D không thừa nhận có ghi dòng chữ này và cho rằng số tiền này còn nợ, sau đó các bên tiếp tục mua bán thức ăn chăn nuôi với tổng số tiền 856.530.000 đồng như nêu trên, sau khi trừ đi số tiền mà ông B và bà Th đã trả được các bên thống nhất nên số tiền còn nợ là 167.768.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện các bên chỉ tranh chấp nhau số tiền 104.064.000 đồng chốt nợ ngày 04/02/2017 bị đơn đã trả hay chưa trả cho nguyên đơn để xác định số tiền gốc hiện nay còn thiếu lại là 167.768.000 đồng như nguyên đơn yêu cầu hay hiện chỉ còn thiếu lại số tiền gốc là 63.704.000 đồng (do đã trừ đi 104.064.000 đồng) như bị đơn thừa nhận.

Bị đơn cho rằng đến ngày 04/02/2017 còn thiếu nguyên đơn 104.064.000 đồng và đã trả xong số tiền này. Thấy rằng nguyên đơn là người đưa ra yêu cầu khởi kiện, bị đơn thừa nhận có mua thức ăn chăn nuôi, thừa nhận số tiền còn thiếu

khi kết sổ vào ngày 04/02/2017 là 104.064.000 đồng nhưng cho rằng đã trả xong nên bị đơn phải có nghĩa vụ chứng minh lời trình bày của mình là có căn cứ.

Trong quá trình tố tụng, phía bị đơn cho rằng chữ viết “Trả đủ rồi” trong sổ theo dõi mua bán thức ăn của bị đơn là chữ viết của nguyên đơn. Tuy nhiên, kết quả 02 lần giám định chữ viết không kết luận được, bị đơn không yêu cầu giám định lại nên không đủ cơ sở xác định đây là chữ do nguyên đơn viết ra. Ngoài ra bị đơn không đưa ra được chứng cứ khác để chứng minh về việc trả tiền, thời điểm trả số tiền 104.064.000 đồng nên lời trình bày của bị đơn chưa đủ căn cứ chấp nhận.

Mặc khác, xét thấy vào ngày 14/5/2019, phía nguyên đơn có ghi vào cả sổ của nguyên đơn và sổ của bị đơn quản lý với tổng số nợ (cũ 104.064.000 đồng, mới 856.530.000 đồng); số tiền 13 lần bị đơn trả là 650.000.000 đồng; các khoản trừ lại các bao thức ăn chăn nuôi và trả thêm 50.000.000 đồng nên số tiền còn thiếu là 167.768.000 đồng. Nếu cho rằng đã trả đủ số tiền 104.064.000 đồng thì khi thực hiện kết sổ, trừ nợ tại sao bị đơn không khiếu nại hay có ý kiến phản bác. Từ thời điểm 14/5/2019 là ngày kết sổ đến khi nguyên đơn khởi kiện, bị đơn cũng không có ý kiến, chỉ đến khi Tòa án triệu tập giải quyết thì mới nêu nội dung này. Trong khi số tiền cho rằng đã tắt nợ cũ 104.064.000 đồng là số tiền lớn nên không thể cho là có sự nhầm lẫn vì cộng trừ.

Do phía bị đơn không chứng minh được mình đã trả được số tiền là 104.064.000 đồng và còn nợ lại chỉ 63.704.000 đồng, nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn thiếu là 167.768.000 đồng là có căn cứ được chấp nhận theo quy định tại Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Xét việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi mức 0.83%/tháng từ ngày 01/6/2019 đến ngày Tòa án xét xử: Thấy rằng khi thỏa thuận hợp đồng mua bán, các bên không thỏa thuận lãi. Tuy nhiên, căn cứ vào Điều 357, khoản 3 Điều 440, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 do phía ông B và bà Th chậm trả tiền nên phải có nghĩa vụ trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Xét mức lãi nguyên đơn yêu cầu (0.83%/tháng) không vượt quá mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Về thời điểm trả tiền lãi chậm trả nguyên đơn yêu cầu là phù hợp vì hai bên đã kết thúc việc mua bán thức ăn chăn nuôi trong tháng 5/2019 và còn thiếu lại 167.768.000 đồng. Tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 01/6/2019 đến ngày 04/8/2020 là 14 tháng 03 ngày x 0.83%/tháng x 167.768.000 đồng = 19.633.886 đồng.

Tổng cộng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 04/8/2020 là: 187.401.886 đồng, do ông B và bà Th mua thức ăn chăn nuôi để phục vụ kinh tế chung của vợ chồng buộc ông B và bà Th liên đới trả cho ông D đúng quy định tại Điều 27, Điều 30 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Các đương sự không có yêu cầu khác nên không xem xét, giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp nhận định trên nên chấp nhận.

Ông B và bà Th phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền có nghĩa vụ phải trả cho ông D và chi phí trưng cầu giám định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 27, Điều 30 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu của ông Võ Văn D về việc yêu cầu ông Đào Công B và bà Nguyễn Thị Th liên đới trả tiền mua bán tài sản còn thiếu.

Cụ thể tuyên:

1. Buộc ông Đào Công B và bà Nguyễn Thị Th liên đới trả cho ông Võ Văn D số tiền mua bán tài sản còn thiếu là 187.401.886 đồng. Trong đó: Vốn gốc là 167.768.000 đồng; Tiền lãi (từ ngày 01/6/2019 đến ngày 04/8/2020) là 19.633.886 đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Đào Công B và bà Nguyễn Thị Th liên đới chịu: 9.370.000 đồng.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí 4.299.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003753, ngày 19/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cho ông Võ Văn D.

3. Chi phí trưng cầu giám định: 750.000 đồng, do ông Võ Văn D đã nộp nên buộc ông Đào Công B và bà Nguyễn Thị Th liên đới trả lại.

Các đương sự không còn yêu cầu nào khác, không xem xét.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã nơi người đó cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- THA huyện Mỏ Cày Nam;
- Đương sự;
- Lưu (HS, VP)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đỗ Thúy Hằng